

KẾ HOẠCH
Chiến lược phát triển Trường THPT Phạm Văn Đồng giai đoạn 2026-2030
và tầm nhìn đến năm 2035

Phần I
CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;
2. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;
3. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;
4. Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
5. Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045”;
6. Nghị định số 142/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực giáo dục;
7. Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
8. Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục phổ thông và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường phổ thông;
9. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông và các văn bản sửa đổi, bổ sung; Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT về đánh giá học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông;
10. Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT về Khung năng lực số cho người học; Quyết định số 2422/QĐ-BGDĐT ngày 18/8/2026 về Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông;
11. Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT về công khai quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số

29/2024/TT-BGDĐT về dạy thêm, học thêm; đã được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 19/2026/TT-BGDĐT (có hiệu lực từ ngày 15/5/2026)

12. Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức dạy học 2 buổi/ngày; Kế hoạch số 8180/KH-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng về tổ chức dạy học 2 buổi/ngày giai đoạn 2025-2030;

13. Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 05/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ trọng tâm năm học 2026-2027; Công văn số 4586/SGDĐT-GDTrH ngày 31/8/2026 của Sở GDĐT Lâm Đồng về nhiệm vụ giáo dục trung học;

14. Kế hoạch số 1486/KH-UBND ngày 18/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng là văn bản triển khai Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

15. Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030 (Kế hoạch số 103/KH-THPTPVĐ ngày 10/10/2019) và Kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2026-2027 (Kế hoạch số 249/KH-THPTPVĐ ngày 15/9/2026);

Phần II

BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG

I. KHÁI QUÁT NHÀ TRƯỜNG

Lịch sử và vị trí. Trường THPT Phạm Văn Đồng được thành lập từ tháng 8 năm 1992, tiền thân là Trường phổ thông cấp 2+3 Đắc R’Lấp. Trải qua hơn 30 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã tách thêm 07 đơn vị mới (04 trường THPT, 02 trường THCS và 01 trường PTDTNT), từng bước khẳng định vị thế và xây dựng truyền thống “Rèn đức – luyện tài”. Hiện nay, nhà trường là đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng, điểm chính đóng trên địa bàn xã Kiến Đức, phân hiệu trên địa bàn xã Nhân Cơ nằm trên trục Quốc lộ 14.

Quy mô năm học 2026-2027. Nhà trường tổ chức dạy học tại hai địa điểm là điểm trường chính và phân hiệu với 55 lớp, 2.361 học sinh (bình quân khoảng 43 học sinh/lớp). Đội ngũ gồm 135 cán bộ, giáo viên, nhân viên trong biên chế (03 cán bộ quản lý, 123 giáo viên, 09 nhân viên), ngoài ra có 02 giáo viên hợp đồng trong chỉ tiêu được giao, 04 bảo vệ và 02 tạp vụ phục vụ hai điểm trường.

Địa điểm	Tổng số HS	Số lớp	Khối 10	Khối 11	Khối 12
Điểm trường chính	1.320	30	530 HS / 12 lớp	368 HS / 8 lớp	422 HS / 10 lớp
Phân hiệu	1.041	25	354 HS / 9 lớp	326 HS / 8 lớp	361 HS / 8 lớp
Toàn trường	2.361	55	884 HS / 21 lớp	694 HS / 16 lớp	783 HS / 18 lớp

Đặc điểm học sinh và địa bàn. Địa bàn tuyển sinh rộng, một số khu vực xa trung tâm, điều kiện kinh tế còn khó khăn, giao thông chưa thuận lợi; học sinh dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ đáng kể (325 học sinh dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 13.8%). Đây là vùng kinh tế phát triển trên nền tảng nông nghiệp, công nghiệp khai thác – chế biến khoáng sản (bô-xít, nhôm) và dịch vụ, tạo nhu cầu lớn về nguồn nhân lực chất lượng.

Kế thừa Chiến lược giai đoạn 2020-2025. So với thời điểm xây dựng chiến lược trước (khoảng 32 lớp, 1.500 học sinh, 76 cán bộ, giáo viên, nhân viên), quy mô học sinh đã tăng khoảng 57%, số lớp tăng khoảng 72% và đội ngũ tăng gần gấp đôi. Kết quả thực hiện các mục tiêu chính của chiến lược 2020-2025 được tổng hợp như sau:

Mục tiêu của Chiến lược 2020-2025	Kết quả thực hiện
Giữ vững trường chuẩn quốc gia mức độ 1	Được công nhận lại vào tháng 6/2025 theo quyết định số 1138/QĐ-SGDĐT, ngày 15/6/2025
Đạt Tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (kiểm định) cấp độ 2 vào năm 2025	Đạt Tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (kiểm định) cấp độ 2 vào năm 2025
Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT trên 95%; luôn trong nhóm đầu các trường THPT thuộc Sở	Năm 2021: 98%; năm 2022: 98.9%; năm 2023: 98.45%; năm 2024: 98.5%; năm 2025: 98.98%; năm 2026: 98.37%
100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trình độ đại học trở lên, sử dụng thành thạo tin học văn phòng	Đã đạt: 100% giáo viên có trình độ trên chuẩn và tin học cơ bản trở lên
Xây dựng nhà đa năng, thư viện, phòng bộ môn, phòng tin học	Hiện có 01 nhà đa chức năng, 02 thư viện, 09 phòng bộ môn Lý – Hóa – Sinh, 04 phòng Tin học, 02 phòng nghe nhìn

Thuận lợi, khó khăn chính.

Nhà trường có truyền thống dạy tốt, học tốt, đội ngũ cơ bản ổn định, được cấp ủy, chính quyền địa phương và cha mẹ học sinh quan tâm.

Khó khăn chủ yếu là địa bàn rộng, học sinh đa dạng về điều kiện học tập, cơ sở vật chất và thiết bị còn thiếu hoặc xuống cấp, nhà trường chưa có khu hiệu bộ riêng và phải vận hành đồng thời hai điểm trường.

II. BỐI CẢNH BÊN NGOÀI

1. Định hướng phát triển giáo dục của quốc gia, tỉnh và ngành. Nghị quyết số 71-NQ/TW yêu cầu đột phá về chất lượng, chuyển đổi số, ngoại ngữ, hướng nghiệp và điều kiện bảo đảm; Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030 (Quyết định số 1705/QĐ-TTg) đặt mục tiêu nâng cao chất lượng, công bằng và hội nhập. Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT mở rộng quyền tự chủ của nhà trường gắn với trách nhiệm giải trình; Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT yêu cầu nhà trường tự bảo đảm chất lượng dựa trên dữ liệu và minh chứng. Tỉnh Lâm Đồng triển khai dạy học 2 buổi/ngày giai đoạn 2025-2030, đồng thời đòi hỏi các trường nâng chất lượng trên địa bàn rộng, điều kiện không đồng đều.

2. Yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Chương trình đã triển khai ở cả ba khối lớp, yêu cầu dạy học theo năng lực, phân hóa theo nhóm môn lựa chọn và chuyên đề học tập, kiểm tra đánh giá theo ma trận – đặc tả, tăng thực hành, trải nghiệm. Kỳ thi tốt nghiệp THPT tiếp tục bám sát chương trình, đòi hỏi chất lượng chính khóa vững chắc, đồng thời việc dạy thêm, học thêm được quản lý chặt chẽ theo Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT, đã được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 19/2026/TT-BGDĐT (có hiệu lực từ ngày 15/5/2026).

3. Nhu cầu học tập, kỳ vọng của cha mẹ học sinh và cộng đồng. Cha mẹ học sinh kỳ vọng môi trường an toàn, kỷ cương, chất lượng ổn định và cơ hội học lên, học nghề phù hợp; mong muốn con em được tăng cường ngoại ngữ, tin học, kỹ năng sống. Với địa bàn có nhiều học sinh dân tộc thiểu số và hoàn cảnh khó khăn, kỳ vọng về sự công bằng, hỗ trợ và duy trì sĩ số ngày càng cao.

4. Yêu cầu về chuyển đổi số, năng lực số, học liệu số, công nghệ và AI. Khung năng lực số cho người học (Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT), Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo (Quyết định số 2422/QĐ-BGDĐT), học bạ số, cơ sở dữ liệu ngành đặt ra yêu cầu quản trị, dạy học và đánh giá dựa trên dữ liệu; sử dụng công nghệ, AI đúng mục đích, an toàn, bảo vệ dữ liệu cá nhân, tôn trọng bản quyền và trung thực học thuật.

5. Yêu cầu về STEM/STEAM, trải nghiệm, hướng nghiệp và đổi mới sáng tạo. Chương trình, các kỳ thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật (Thông tư số 06/2024/TT-BGDĐT, sửa đổi bởi Thông tư số 24/2025/TT-BGDĐT) và yêu cầu phân luồng sau THPT thúc đẩy nhà trường tăng cường dự án liên môn, thí nghiệm – thực hành, kết nối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường đại học và doanh nghiệp. Đề án đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học (giai đoạn 2025-2035) yêu cầu xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh thường xuyên.

6. Yêu cầu về an toàn học đường, sức khỏe học sinh, tư vấn học đường và an toàn số. Phòng, chống bạo lực học đường, tai nạn thương tích, tệ nạn xã hội, bảo đảm sức khỏe tâm lý, an toàn giao thông và an toàn trên môi trường mạng là yêu cầu thường xuyên, đặc biệt với trường có hai điểm trường và học sinh ở xa.

III. THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG THEO CÁC LĨNH VỰC CHÍNH

1. Quản trị và tổ chức nhà trường

- Bộ máy gồm 03 cán bộ quản lý (Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng), các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, Đảng bộ (76 đảng viên), 04 Chi bộ trực thuộc, Đoàn Thanh niên; công tác quản lý, điều hành từng bước đi vào nền nếp; kế hoạch năm học được xây dựng bài bản, phân công rõ người, rõ việc, rõ sản phẩm.

- Đã sử dụng phần mềm quản lý, học bạ số, hồ sơ điện tử; thực hiện công khai, dân chủ, kiểm tra nội bộ hằng năm.

- **Hạn chế:** điều hành đồng thời hai điểm trường còn khó khăn về đồng bộ; điểm chính chưa có khu hiệu bộ riêng; dữ liệu chưa được khai thác đầy đủ để cải tiến chất lượng; đánh giá, phân cấp tự chủ cho tổ chuyên môn chưa gắn chặt với kết quả đầu ra.

2. Đội ngũ

- 135 cán bộ, giáo viên, nhân viên trong biên chế; bình quân 2,24 giáo viên/lớp (123 giáo viên/55 lớp); 100% giáo viên có trình độ trên chuẩn, trình độ tin học cơ bản trở lên; tỷ lệ giáo viên có trình độ thạc sĩ (CB, GV có trình độ thạc sĩ 7 người (5.2%)) giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh 70 người (57%).

- Đội ngũ cơ bản ổn định, có trách nhiệm, tích cực tham gia sinh hoạt chuyên môn và ứng dụng công nghệ thông tin.

- **Hạn chế:** năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm và mức độ đổi mới phương pháp chưa đồng đều; công tác bồi dưỡng mũi nhọn chưa hiệu quả; năng lực số, sử dụng AI và ngoại ngữ của một bộ phận giáo viên còn hạn chế; cơ cấu một số bộ môn chưa cân đối...

3. Chương trình và hoạt động giáo dục

- Thực hiện cơ bản đầy đủ Chương trình GDPT 2018; tổ chức nhóm môn lựa chọn và chuyên đề học tập theo nguyện vọng học sinh; triển khai hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, tư vấn tâm lý; năm học 2026-2027 triển khai dạy học 2 buổi/ngày cả 2 điểm trường theo nhu cầu, tự nguyện.

- Đã đưa STEM/STEAM, năng lực số vào kế hoạch của 100% tổ chuyên môn; mỗi môn Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin tối thiểu 02 bài STEM/năm; 03 – 05 đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật, có 01 sản phẩm dự kiến tham gia cấp tỉnh.

- **Hạn chế:** STEM/STEAM, giáo dục AI mới ở giai đoạn đầu; hướng nghiệp chưa gắn chặt với dữ liệu học sinh và đối tác bên ngoài; tiếng Anh chưa được sử dụng thường xuyên ngoài giờ học; hiệu quả bồi dưỡng học sinh giỏi chưa tương xứng quy mô nhà trường.

4. Học sinh và môi trường giáo dục

- Tổng số 2.361 học sinh; khối 10 chiếm 37,4%, khối 11 chiếm 29,4%, khối 12 chiếm 33,2%; học sinh dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ đáng kể (325 học sinh).

- Đã thành lập Tổ tư vấn học sinh; có 02 phòng y tế học đường; duy trì nề nếp, an ninh trật tự, phòng chống bạo lực học đường.

- **Hạn chế:** một bộ phận học sinh chưa tích cực tự học, ý thức rèn luyện còn hạn chế; chất lượng giữa các lớp, nhóm học sinh chưa đồng đều; lớp đông (bình quân 43 học sinh/lớp); duy trì sĩ số khó khăn ở địa bàn xa.

5. Cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu, hạ tầng số

- Cả 2 điểm trường có 60 phòng học/55 lớp; 03 phòng Vật lý, 03 phòng Hóa học, 03 phòng Sinh học, 04 phòng Tin học, 02 phòng nghe nhìn, 02 phòng họp, 02 thư viện

(1 thư viện đang mượn tạm phòng học bộ môn), 02 phòng y tế, 01 phòng học ngoại ngữ, 01 phòng thể dục thể thao, 01 nhà đa chức năng, 04 sân bóng chuyền, 02 sân bóng đá mini, 02 khu giáo dục thể chất; có kết nối internet.

- **Hạn chế:** một số thiết bị dạy học thiếu hoặc hư hỏng; điểm chính chưa có khu hiệu bộ riêng, 1 thư viện đang mượn tạm phòng học bộ môn nên chưa đủ chuẩn; chưa có không gian STEM/STEAM chuyên biệt; học liệu số dùng chung và hạ tầng mạng giữa hai điểm trường chưa đồng bộ.

6. Phối hợp gia đình, cộng đồng, xã hội

- Duy trì phối hợp thường xuyên với Ban đại diện cha mẹ học sinh, cấp ủy, chính quyền địa phương, các đoàn thể trong quản lý học sinh, giáo dục đạo đức, an toàn trường học, hỗ trợ học sinh khó khăn.

- **Hạn chế:** liên kết với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường đại học, doanh nghiệp chưa thực hiện được, chưa thành mạng lưới ổn định; chưa có tổ chức cựu học; huy động nguồn lực xã hội hóa còn hạn chế.

IV. ĐIỂM MẠNH, HẠN CHẾ, CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ VẤN ĐỀ ƯU TIÊN

ĐIỂM MẠNH (S)	HẠN CHẾ (W)
<ul style="list-style-type: none"> - Truyền thống hơn 30 năm, “Rèn đức – luyện tài”, được nhân dân tin cậy. - Quy mô lớn (2.361 học sinh, 55 lớp), nguồn tuyển ổn định. - Đội ngũ cơ bản ổn định, có trách nhiệm; 100% giáo viên trên chuẩn, tin học cơ bản trở lên. CB, GV có trình độ thạc sĩ 7 người (5.2%) - Quản lý nề nếp; kế hoạch giáo dục bài bản; đã triển khai học bạ số, tư vấn tâm lý, hướng nghiệp. - Cơ sở vật chất tương đối đầy đủ: 60 phòng học, 09 phòng bộ môn, 04 phòng Tin học, 02 thư viện, nhà đa chức năng. - Đảng bộ 76 đảng viên (chiếm 56%), các đoàn thể là lực lượng phối hợp tích cực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chuyên môn, đổi mới phương pháp của giáo viên chưa đồng đều; mũi nhọn chưa hiệu quả. - Một bộ phận học sinh chưa tích cực tự học; chất lượng giữa các lớp chưa đồng đều; lớp đồng. - Thiết bị thiếu, hư hỏng; chưa có khu hiệu bộ riêng; hai điểm trường khó đồng bộ. - Năng lực số, AI, ngoại ngữ của một bộ phận giáo viên, học sinh còn hạn chế; môi trường tiếng Anh chưa thường xuyên. - Hướng nghiệp, phân luồng và khai thác dữ liệu để cải tiến chất lượng cần tăng cường.
CƠ HỘI (O)	THÁCH THỨC (T)
<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết 71-NQ/TW, Quyết định 1705/QĐ-TTg, Nghị định 142/2025/NĐ-CP tạo hành lang đột phá và tự chủ. - Chủ trương dạy học 2 buổi/ngày; Đề án tiếng Anh; Khung năng lực số và Khung giáo dục AI. - Tỉnh quan tâm hạ tầng, công nghệ thông tin; Kiến Đức, Nhân Cơ nằm trên Quốc lộ 14, thuận lợi giao lưu, kết nối. - Học liệu số phong phú; cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương ủng hộ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Địa bàn rộng, nhiều nơi xa, kinh tế khó khăn, học sinh dân tộc thiểu số đáng kể: khó duy trì sĩ số. - Kỳ vọng ngày càng cao của xã hội; cạnh tranh về chất lượng giữa các trường THPT trong tỉnh. - Chuẩn và quy định mới (Thông tư 57/2026, chuẩn nghề nghiệp, khung năng lực số) đòi hỏi thích ứng nhanh. - Nguồn kinh phí đầu tư hạn chế; xây thư viện, sửa chữa, mua sắm các hạng mục và thiết bị phụ

- Địa phương có tiềm năng nông nghiệp, công nghiệp chế biến, cần nguồn nhân lực chất lượng.	thuộc vốn ngân sách. - Rủi ro về an toàn học đường, an toàn dữ liệu, sử dụng công nghệ và AI chưa phù hợp. - Quản lý chặt chẽ thêm, học thêm đặt áp lực nâng chất lượng chính khóa và dạy học 2 buổi/ngày.
---	--

Các vấn đề ưu tiên trong giai đoạn 2026-2030:

1. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện: củng cố chất lượng đại trà, thu hẹp khoảng cách giữa các lớp, nhóm học sinh, nâng hiệu quả bồi dưỡng học sinh giỏi, nghiên cứu khoa học và hướng nghiệp.

2. Phát triển đội ngũ và đổi mới quản trị: quản trị theo kết quả, dựa trên dữ liệu; đồng bộ hai điểm trường; bồi dưỡng thực chất gắn với đầu ra của học sinh.

3. Đẩy mạnh chuyển đổi số, STEM/STEAM, năng lực số, năng lực AI và đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

4. Cải thiện cơ sở vật chất, thiết bị và hạ tầng số: sửa chữa, bổ sung thiết bị, không gian STEM/STEAM,; đề xuất đầu tư xây dựng thư viện; sửa chữa các hạng mục xuống cấp (sân trường, phòng học bộ môn, nhà đa năng, phòng họp hội đồng, sân chơi bãi tập...); mua sắm, cấp mới thiết bị dạy học tối thiểu...

5. Xây dựng môi trường học tập an toàn, hạnh phúc, hòa nhập: duy trì sĩ số, tư vấn học đường, hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số, học sinh khó khăn; tăng cường phối hợp gia đình – cộng đồng.

Phần III ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

1. Sứ mạng

Trường THPT Phạm Văn Đồng tạo dựng môi trường học tập kỷ cương, an toàn, nhân văn, có chất lượng giáo dục cao, giúp mỗi học sinh – trong đó có học sinh dân tộc thiểu số và học sinh vùng khó khăn – được phát triển tối đa phẩm chất, năng lực, kiến thức nền tảng và kỹ năng số, sẵn sàng học lên, học nghề và lập nghiệp; đóng góp vào sự phát triển của quê hương Lâm Đồng và đất nước.

2. Tầm nhìn

Đến năm 2030: là trường THPT có chất lượng giáo dục toàn diện vững chắc, đáng tin cậy của học sinh và cha mẹ học sinh trong khu vực, tiên phong trong chuyển đổi số, STEM/STEAM và môi trường tiếng Anh.

Đến năm 2035: là một trong những trường THPT có chất lượng hàng đầu của tỉnh Lâm Đồng; mô hình trường học hạnh phúc, hòa nhập, đạt chuẩn quốc gia theo quy định; nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới những tầm cao mới.

3. Giá trị cốt lõi

Nhà trường kế thừa các giá trị của giai đoạn trước và bổ sung giá trị phù hợp với yêu cầu mới:

- **Trung thực:** trung thực trong học tập, kiểm tra và sử dụng công nghệ, AI; biết bảo vệ lẽ phải.
- **Trách nhiệm:** có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và công việc; đề cao kỷ cương, nề nếp.
- **Nhân ái:** thấu hiểu, sẻ chia, hòa nhập; mọi học sinh đều được tôn trọng và hỗ trợ để tiến bộ.
- **Sáng tạo:** khuyến khích tư duy độc lập, đổi mới phương pháp, nghiên cứu khoa học, STEM/STEAM.
- **Hội nhập:** năng động, thích ứng, sử dụng tiếng Anh và công nghệ để học tập, làm việc trong môi trường toàn cầu, đa văn hóa.

4. Phương châm hành động

“Chất lượng là uy tín, danh dự của nhà trường – Kỷ cương, yêu thương, đổi mới.”

5. Chân dung học sinh nhà trường hướng tới

Học sinh Trường THPT Phạm Văn Đồng có phẩm chất tốt (trung thực, trách nhiệm, nhân ái); biết tự học, hợp tác và giải quyết vấn đề; có nền tảng kiến thức vững để học lên hoặc học nghề; có kỹ năng số, biết sử dụng công nghệ và AI an toàn, trung thực; bước đầu tự tin giao tiếp bằng tiếng Anh; có thể chất, tâm lý khỏe mạnh, ý thức an toàn; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và biết định hướng tương lai.

Phần IV **MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC**

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, Trường THPT Phạm Văn Đồng nâng cao rõ rệt chất lượng giáo dục toàn diện, bảo đảm tỷ lệ tốt nghiệp THPT ổn định ở mức cao và kết quả mũi nhọn tăng trưởng bền vững; xây dựng đội ngũ đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có năng lực số và đổi mới dạy học; hoàn thiện điều kiện dạy học, hạ tầng số và hai điểm trường vận hành đồng bộ; triển khai hiệu quả STEM/STEAM, giáo dục AI và Đề án đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai; xây dựng môi trường an toàn, hạnh phúc, hòa nhập; tăng cường phối hợp gia đình, cộng đồng; thực hiện tự bảo đảm chất lượng và duy trì, nâng cao mức đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT.

2. Mục tiêu cụ thể

Các chỉ tiêu dưới đây được xây dựng theo nguyên tắc cụ thể, đo lường được, khả thi, có thời hạn và kế thừa chỉ tiêu năm học 2026-2027; sẽ rà soát giữa kỳ (năm 2028) để điều chỉnh.

(Ký hiệu phụ trách: HT – Hiệu trưởng; PHT - Phó Hiệu trưởng; TTCM – tổ trưởng chuyên môn; TVP – tổ văn phòng; ĐTN – Đoàn Thanh niên; GVCN – giáo viên chủ nhiệm; TTV – tổ tư vấn học sinh; BDD – Ban đại diện cha mẹ học sinh).

Lĩnh vực	Mục tiêu chính	Hiện trạng (2026-2027)	Chỉ tiêu đến năm 2030	Phụ trách
Quản trị và phát triển nhà trường	Quản trị theo kết quả, dựa trên dữ liệu; đồng bộ hai điểm trường; công khai, minh bạch.	Kế hoạch năm học bài bản; có học bạ số, phần mềm quản lý; 02 điểm trường; điểm chính chưa có khu hiệu bộ riêng, thư viện đạt chuẩn; mức chuẩn quốc gia mới ở mức độ 1.	<ul style="list-style-type: none"> - 100% quy trình quản lý (nhân sự, điểm, học bạ, tài sản, thư viện, thiết bị) vận hành trên nền tảng số. - 100% năm học có tự đánh giá, kế hoạch cải tiến chất lượng; duy trì, nâng mức đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư 57/2026. - Bộ chỉ số (KPI) và báo cáo kết quả được công khai hằng năm. - Tập thể lao động xuất sắc tối thiểu 1/5 năm; Đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. 	HT; PHT; TVP
Đội ngũ	Đội ngũ đủ, đồng bộ, đạt chuẩn nghề nghiệp, có năng lực số – AI – ngoại ngữ, văn hóa hợp tác.	135 CB, GV, NV (03 CBQL, 123 GV, 09 NV); 100% GV trên chuẩn, tin học cơ bản; 2,24 GV/lớp; CB, GV có trình độ thạc sĩ 7 người (5.2%)	<ul style="list-style-type: none"> - 100% CBQL, GV, NV hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp mức khá trở lên. - Tỷ lệ GV có trình độ thạc sĩ từ 7% trở lên. - 100% GV hoàn thành bồi dưỡng năng lực số, sử dụng AI có trách nhiệm; từ 90% GV đạt mức năng lực số theo yêu cầu. - 100% GV tham gia sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học; từ 65% GV đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên. - Từ 10% GV các môn không phải tiếng Anh ngoại ngữ dạy học bằng tiếng Anh . - Tỷ lệ đảng viên từ 60% tổng số CB, GV, NV. 	HT; PHT TTCM
Chương trình và hoạt động giáo dục	Thực hiện hiệu quả CT GDPT 2018; nâng chất lượng đại trà và	Chỉ tiêu 2026-2027: tốt nghiệp 99-100%; ≥ 10 giải HSG tỉnh (≥ 03 giải Nhất);	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp THPT từ 99% đến 100% mỗi năm; điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp cao hơn bình quân toàn tỉnh. - Học sinh có kết quả học tập Tốt từ 45%; Chưa đạt dưới 1,5%. - Từ 15 giải HSG cấp tỉnh/năm 	PHT; TTCM; GVCN

Lĩnh vực	Mục tiêu chính	Hiện trạng (2026-2027)	Chỉ tiêu đến năm 2030	Phụ trách
	mũi nhọn; hướng nghiệp thực chất.	03-05 đề tài NCKH; kết quả thực tế: giải Nhì cấp tỉnh	(trong đó ≥ 04 giải Nhất); có học sinh đạt giải HSG quốc gia. <ul style="list-style-type: none"> - 100% học sinh được hướng nghiệp, tư vấn theo hồ sơ cá nhân; từ 90% học sinh khối 12 có kế hoạch học tập, nghề nghiệp sau THPT. - 100% lớp có kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày; từ 70% học sinh tham gia hoạt động tình nguyện. 	
Chuyển đổi số, STEM/STEAM, AI phù hợp, tiếng Anh	Phát triển năng lực số, STEM/STEAM, AI an toàn; từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai.	04 phòng Tin học, 01 phòng ngoại ngữ; 100% tổ CM có kế hoạch STEM; mỗi môn ≥ 02 bài STEM/năm; giáo dục AI mới triển khai.	<ul style="list-style-type: none"> - 100% học sinh học nội dung năng lực số, giáo dục AI theo khung quy định; từ 90% đạt yêu cầu. - Mỗi môn Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin, Công nghệ ≥ 02 bài STEM/năm; mỗi khối ≥ 02 chủ đề/dự án liên môn/năm; 01 Ngày hội STEM – AI toàn trường/năm. - Từ 05 đề tài NCKH/năm, 01 tham gia cấp tỉnh, đạt 1 giải/năm. - Kho học liệu số dùng chung của 100% môn học. - Đạt Mức độ 1 của Đề án tiếng Anh; từ 20% học sinh khối 12 đạt chứng chỉ tiếng Anh bậc 3 (B1) trở lên. 	PHT; TTCM; GV môn Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin, Công nghệ, Anh
Học sinh và môi trường giáo dục	Duy trì sĩ số; môi trường an toàn, hạnh phúc, hòa nhập; hỗ trợ học sinh khó khăn.	2.361 HS, bình quân 43 HS/lớp; HS dân tộc thiểu số đáng kể; mới thành lập Tổ tư vấn học sinh.	<ul style="list-style-type: none"> - Huy động 100% học sinh vào lớp 10 theo chỉ tiêu; duy trì sĩ số từ 99,5%; bỏ học dưới 1%. - Rèn luyện Khá, Tốt từ 92%; Chưa đạt dưới 1,5%. - Tổ tư vấn hoạt động thường xuyên, mỗi điểm trường có không gian tư vấn; không có vụ bạo lực học đường nghiêm trọng. - 100% học sinh khó khăn, dân tộc thiểu số, khuyết tật được hỗ trợ theo kế hoạch cá nhân; vận động hỗ trợ từ 15 triệu đồng/năm. - Khảo sát mức độ hài lòng của học sinh từ 90%. 	HT; PHT; ĐTN; GVCN; TTV
Cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu	Hoàn thiện điều kiện dạy học; hạ	60 phòng học/55 lớp; 09 phòng bộ	<ul style="list-style-type: none"> - 100% phòng học có thiết bị trình chiếu hoạt động tốt, kết nối internet. - 100% phòng bộ môn đáp ứng 	HT; PHT; TVP

Lĩnh vực	Mục tiêu chính	Hiện trạng (2026-2027)	Chỉ tiêu đến năm 2030	Phụ trách
	tầng số đồng bộ; xanh – sạch – đẹp – an toàn.	môn; 04 phòng Tin; 02 thư viện; thiết bị thiếu, hư hỏng; chưa có khu hiệu bộ riêng.	<p>danh mục thiết bị tối thiểu; sửa chữa, thay thế 100% thiết bị hư hỏng trong danh mục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 02 không gian STEM/STEAM (mỗi điểm trường 01); nâng cấp phòng học ngoại ngữ; thư viện số hóa từ 50% đầu sách. - Hoàn thành công trình sửa chữa các hạng mục; Hoàn thành thủ tục đề xuất đầu tư xây dựng thư viện; thực hiện theo vốn được phê duyệt. 	
Phối hợp gia đình, cộng đồng, xã hội	Liên kết chặt chẽ với gia đình, địa phương, đối tác; huy động nguồn lực hợp pháp.	Có BDD cha mẹ học sinh; phối hợp với chính quyền, đoàn thể, liên kết hướng nghiệp khi có điều kiện.	<ul style="list-style-type: none"> - 100% lớp có BDD hoạt động; hợp cha mẹ học sinh tối thiểu 02 lần/năm, có kênh liên lạc số; hài lòng của cha mẹ học sinh từ 90%. - Từ 05 đối tác (trường đại học, giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, cơ quan) phối hợp hướng nghiệp, trải nghiệm; ≥ 01 hoạt động/năm. - Thành lập mạng lưới cựu học sinh trước năm 2028. - 100% nội dung công khai theo quy định. 	HT; ĐTN; GVCN; BDD

3. Định hướng đến năm 2035

Nội dung	Định hướng đến năm 2035
Chất lượng giáo dục	Thuộc nhóm các trường dẫn đầu của tỉnh về chất lượng tốt nghiệp THPT, học sinh giỏi, nghiên cứu khoa học; tỷ lệ học sinh học lên đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp cao và ổn định.
Tiếng Anh, STEM/AI, số	Đạt Mức độ 2 của Đề án đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai; hình thành hệ sinh thái STEM/STEAM, giáo dục AI; nhà trường vận hành số hóa toàn diện.
Đội ngũ	Từ 15% giáo viên có trình độ thạc sĩ trở lên; 100% giáo viên có năng lực số và sử dụng AI có trách nhiệm; đội ngũ cốt cán, nhóm nghiên cứu chuyên môn ổn định.
Cơ sở vật chất	Khu hiệu bộ, không gian STEM/STEAM, thư viện số, phòng học thông minh; trường học xanh – sạch – đẹp – an toàn ở cả hai điểm trường.
Thương hiệu, văn hóa	Văn hóa nhà trường đặc trưng “Rèn đức – luyện tài”; mạng lưới cựu học sinh và đối tác ổn định; mô hình trường học hạnh phúc, hòa nhập.

Phần V CÁC NHIỆM VỤ/CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG TÂM

Nhà trường tập trung 08 nhiệm vụ, chương trình trọng tâm sau, bám sát vấn đề ưu tiên và điều kiện thực tế:

1. Đổi mới quản trị và phát triển nhà trường

Chuyển đổi số trong quản trị và dạy học: vận hành đồng bộ phần mềm quản lý, học bạ số, hồ sơ điện tử; quản lý, khai thác dữ liệu giáo dục đúng quy định, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin; xây dựng kho học liệu số dùng chung. Phân định rõ trách nhiệm, tăng tự chủ cho tổ chuyên môn gắn với kết quả đầu ra; điều hành thống nhất hai điểm trường; thực hiện công khai, kiểm tra nội bộ, phòng, chống tham nhũng; thực hiện tự đánh giá, cải tiến chất lượng và đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT.

2. Phát triển đội ngũ

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng từng giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp; bồi dưỡng đổi mới phương pháp, kiểm tra đánh giá theo năng lực, năng lực số, sử dụng AI, STEM/STEAM, ngoại ngữ; sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, dự giờ, chia sẻ học liệu; quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán; khuyến khích học thạc sĩ; xây dựng văn hóa hợp tác, kỷ cương; tham mưu bổ sung giáo viên theo cơ cấu bộ môn.

3. Nâng cao chất lượng Chương trình và hoạt động giáo dục

Thực hiện đầy đủ Chương trình GDPT 2018, không cắt xén; phân tích dữ liệu kết quả học tập để cải tiến; tổ chức nhóm môn lựa chọn, chuyên đề học tập phù hợp nguyện vọng và điều kiện đội ngũ; dạy học 2 buổi/ngày tự nguyện, công khai, không lợi dụng để dạy thêm trái quy định; phụ đạo học sinh chưa đạt yêu cầu, bồi dưỡng học sinh giỏi theo lộ trình; ôn thi tốt nghiệp THPT phân hóa; giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, công dân số; trải nghiệm, hướng nghiệp, giáo dục quốc phòng – an ninh; hoạt động văn hóa, thể thao, đọc sách, câu lạc bộ.

4. Phát triển STEM/STEAM, năng lực số, sử dụng AI phù hợp và đổi mới sáng tạo

Tổ chức bài học, chủ đề, dự án STEM/STEAM liên môn; hình thành câu lạc bộ khoa học – công nghệ, Ngày hội STEM – AI hằng năm; hướng dẫn nghiên cứu khoa học kỹ thuật; dạy học năng lực số, an toàn số, giáo dục AI theo khung quy định; ban hành quy định sử dụng công cụ AI trong dạy học, kiểm tra, đánh giá theo các văn bản hiện hành; tôn trọng bản quyền, quyền riêng tư và trung thực học thuật.

5. Triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045”

Xây dựng kế hoạch triển khai; thành lập tổ/nhóm triển khai Đề án (03 – 05 người), phân công 01 lãnh đạo phụ trách trực tiếp, mỗi điểm trường 01 đầu mối, quy định trách nhiệm từng thành viên; tổ chức dạy học tiếng Anh theo chương trình, dạy học tích hợp khi đủ điều kiện; tổ chức câu lạc bộ tiếng Anh, Ngày hội tiếng Anh, hoạt động trải nghiệm, giao tiếp; xây dựng môi trường tiếng Anh (biển bảng song ngữ, thông báo, chuyên mục, giờ giao tiếp); bồi dưỡng đội ngũ; đạt Mức độ 1 vào năm 2030, hướng tới Mức độ 2 giai đoạn 2030-2035.

6. Phát triển quy mô học sinh và xây dựng môi trường học tập an toàn, hạnh phúc, hòa nhập

Duy trì sĩ số, tuyển sinh đúng chỉ tiêu; theo dõi sớm học sinh có nguy cơ bỏ học; vận hành Tổ tư vấn học sinh (học tập, tâm lý, hướng nghiệp); chăm sóc sức khỏe học đường; phòng, chống bạo lực học đường, tai nạn thương tích, tệ nạn xã hội; an toàn giao thông, an toàn số; hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số, học sinh khó khăn, khuyết tật và học sinh cần hỗ trợ đặc thù; xây dựng quy tắc ứng xử, văn hóa nhà trường.

7. Phát triển cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và hạ tầng số

Kiểm kê, lập danh mục thiết bị hư hỏng, thiếu; đề xuất sửa chữa, bổ sung theo thứ tự ưu tiên; đầu tư màn hình/thiết bị trình chiếu, mạng internet đồng bộ hai điểm trường; xây dựng không gian STEM/STEAM, nâng cấp phòng ngoại ngữ, thư viện (kể cả thư viện số); đề xuất đầu tư khu hiệu bộ; quản lý, sử dụng tài sản công hiệu quả; bảo đảm an toàn điện, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường; xây dựng trường học xanh – sạch – đẹp – an toàn.

8. Tăng cường phối hợp gia đình, cộng đồng và đối tác

Phối hợp thường xuyên với Ban đại diện cha mẹ học sinh, cấp ủy, chính quyền xã, đoàn thể, y tế, công an, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường đại học; thông tin hai chiều kịp thời; hướng nghiệp, trải nghiệm thực tế; thành lập mạng lưới cựu học sinh; huy động nguồn lực hợp pháp, công khai, minh bạch để hỗ trợ học sinh khó khăn, học bổng, cải thiện điều kiện học tập; truyền thông hình ảnh nhà trường qua website và các kênh hợp lệ.

Bảng triển khai ngắn gọn:

Nhiệm vụ/ chương trình	Hoạt động chính	Thời gian	Phụ trách	Chỉ tiêu đến năm 2030
1. Quản trị và phát triển nhà trường	<ul style="list-style-type: none">- Rà soát quy trình, số hóa nhân sự, điểm, học bạ, tài sản, thư viện.- Xây dựng bộ KPI; công khai báo cáo hằng năm.- Tự đánh giá, kế hoạch cải tiến chất lượng theo TT 57/2026.- Đề xuất đầu tư thư viện, sửa chữa công trình và mua sắm trang thiết bị dạy học.	2026-2030	HT; PHT; TVP	100% quy trình số hóa; 100% năm có tự đánh giá; duy trì/nâng mức chuẩn quốc gia.
2. Phát triển đội ngũ	<ul style="list-style-type: none">- Kế hoạch bồi dưỡng cá nhân theo chuẩn nghề nghiệp.- Tập huấn năng lực số, AI, STEM, kiểm tra đánh giá.- Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học; dự giờ.- Quy hoạch cán bộ; khuyến khích học thạc sĩ.	2026-2030	HT; PHT; TTCM	Thạc sĩ $\geq 7\%$; 100% GV hoàn thành bồi dưỡng số – AI; GV dạy giỏi cấp tỉnh $\geq 65\%$.

Nhiệm vụ/ chương trình	Hoạt động chính	Thời gian	Phụ trách	Chỉ tiêu đến năm 2030
3. Chương trình và hoạt động giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích dữ liệu, cải tiến sau mỗi kỳ kiểm tra. - Dạy học 2 buổi/ngày; phụ đạo; bồi dưỡng HSG (từ tuần 7). - Ôn thi tốt nghiệp phân hóa; thi thử. - Trải nghiệm – hướng nghiệp; kỹ năng sống. 	Hàng năm	PHT; TTCM; GVCN	Tốt nghiệp 99-100%; ≥ 15 giải HSG tỉnh/năm; học tập Tốt $\geq 45\%$.
4. STEM/STEAM, năng lực số, AI, đổi mới sáng tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Bài học, dự án STEM liên môn; CLB khoa học – công nghệ. - Ngày hội STEM – AI; hướng dẫn NCKH. - Quy định sử dụng AI trong dạy học, kiểm tra. - Xây dựng kho học liệu số. 	Hàng năm	PHT; TTCM Tin, KHTN	≥ 05 đề tài NCKH/năm; 01 giải/năm; kho học liệu số 100% môn.
5. Đề án tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập tổ triển khai (03-05 người), phân công lãnh đạo phụ trách. - Kế hoạch triển khai; môi trường tiếng Anh. - CLB, Ngày hội tiếng Anh, giao tiếp, trải nghiệm. - Bồi dưỡng đội ngũ; dạy học tích hợp khi đủ điều kiện. 	2026-2030; định hướng 2035	HT; PHT; tổ Anh	Đạt Mức độ 1; $\geq 20\%$ HS khối 12 đạt B1 trở lên; hướng tới Mức độ 2 (2035).
6. Quy mô học sinh; môi trường an toàn, hạnh phúc, hòa nhập	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi sớm học sinh nguy cơ bỏ học; duy trì sĩ số. - Tổ tư vấn học sinh; chăm sóc sức khỏe, tâm lý. - Phòng chống bạo lực học đường, an toàn số. - Hỗ trợ HS dân tộc thiểu số, khó khăn, khuyết tật. 	Thường xuyên	HT; ĐTN; GVCN; TTV	Sĩ số $\geq 99,5\%$; bỏ học $< 1\%$; hài lòng của HS $\geq 90\%$.
7. Cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu, hạ tầng số	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm kê, sửa chữa, bổ sung thiết bị theo ưu tiên. - Thiết bị trình chiếu, mạng đồng bộ hai điểm trường. - Không gian STEM/STEAM, thư viện số, phòng ngoại ngữ. - Đề xuất xây thư viện, sửa chữa các hạng mục. 	2026-2030	HT; PHT- CS; TVP	100% phòng học có thiết bị trình chiếu; 02 không gian STEM; thư viện số hóa $\geq 50\%$.
8. Phối hợp gia đình, cộng đồng, đối tác	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp cha mẹ học sinh; kênh liên lạc số. - Ký kết, phối hợp với ĐH, GDNN, doanh nghiệp. - Thành lập mạng lưới cựu học sinh. 	2026-2030	HT; ĐTN; GVCN; BĐD	≥ 05 đối tác; mạng lưới cựu HS (trước 2028); hài lòng cha mẹ học sinh $\geq 90\%$.

Nhiệm vụ/ chương trình	Hoạt động chính	Thời gian	Phụ trách	Chỉ tiêu đến năm 2030
	- Huy động nguồn lực hợp pháp, công khai.			

Phần VI

LỘ TRÌNH THỰC HIỆN, NGUỒN LỰC VÀ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN

I. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Giai đoạn 1 (năm học 2026-2027): Củng cố nền tảng – rà soát thực trạng, hoàn thiện dữ liệu nền, ban hành bộ chỉ số theo dõi, chuẩn hóa điều kiện cần thiết, khởi động các chương trình trọng tâm.

Giai đoạn 2 (năm học 2027-2028 đến 2028-2029): Triển khai và nâng cao chất lượng – thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ trọng tâm, nhân rộng mô hình hiệu quả, rà soát giữa kỳ vào năm 2028.

Giai đoạn 3 (năm học 2029-2030): Hoàn thiện, đánh giá – hoàn thành mục tiêu, tổng kết, điều chỉnh và chuẩn bị kế hoạch giai đoạn 2031-2035.

Giai đoạn/ năm học	Nhiệm vụ/chương trình trọng tâm	Chỉ tiêu	Phụ trách
2026-2027	<ul style="list-style-type: none"> Ban hành Kế hoạch chiến lược, thành lập Ban chỉ đạo, bộ KPI. Rà soát dữ liệu nền; kiểm kê cơ sở vật chất, thiết bị. Thành lập tổ triển khai Đề án tiếng Anh; quy định sử dụng AI. Vận hành Tổ tư vấn học sinh; kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ. 	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành dữ liệu nền, KPI. Chỉ tiêu theo Kế hoạch giáo dục 2026-2027. 100% tổ CM có kế hoạch STEM, năng lực số. 	HT; PHT;
2027-2028	<ul style="list-style-type: none"> Số hóa quy trình quản lý; xây dựng kho học liệu số. Triển khai dự án STEM liên môn; CLB tiếng Anh, khoa học. Sửa chữa, bổ sung thiết bị ưu tiên; đề xuất khu hiệu bộ. Ký kết đối tác hướng nghiệp; thành lập mạng lưới cựu học sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> Tốt nghiệp $\geq 99\%$; sĩ số $\geq 99,5\%$. ≥ 12 giải HSG tỉnh; ≥ 04 đề tài NCKH. Mạng lưới cựu học sinh hình thành. 	HT; PHT; ĐTN
2028 (rà soát giữa kỳ) – 2029	<ul style="list-style-type: none"> Rà soát giữa kỳ, điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu. Mở rộng mô hình hiệu quả; dạy học tích hợp khi đủ điều kiện. Hoàn thiện không gian STEM/STEAM, thư viện số. Đánh giá năng lực số, AI của giáo viên và học sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> 100% GV hoàn thành bồi dưỡng số – AI. ≥ 15 giải HSG tỉnh; ≥ 05 đề tài NCKH. ≥ 05 đối tác ký kết. 	HT; PHT
2029-2030	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành các chỉ tiêu; tự đánh giá, rà 	<ul style="list-style-type: none"> Đạt các chỉ tiêu đến năm 	HT; Ban chỉ

Giai đoạn/ năm học	Nhiệm vụ/chương trình trọng tâm	Chỉ tiêu	Phụ trách
	soát chuẩn quốc gia. - Tổng kết, công khai kết quả; xây dựng chiến lược 2031-2035.	2030 tại Phần IV. - Đạt Mức độ 1 Đề án tiếng Anh.	đạo
Định hướng 2031-2035	- Mở rộng, nâng cao: Mức độ 2 Đề án tiếng Anh; hệ sinh thái STEM/AI; số hóa toàn diện. - Hoàn thiện thư viện đạt chuẩn, cơ sở vật chất; củng cố thương hiệu, văn hóa nhà trường.	- Các chỉ tiêu định hướng đến năm 2035 (Phần IV, mục 3).	HT

II. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. **Nhân sự:** cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hiện có; Ban chỉ đạo, tổ triển khai Đề án tiếng Anh, Tổ tư vấn học sinh, nhóm chuyển đổi số; tham mưu với Sở GDĐT bổ sung giáo viên theo cơ cấu bộ môn, nhân sự hỗ trợ công nghệ thông tin, thiết bị, y tế.

2. **Tài chính:** ngân sách nhà nước theo dự toán được giao; nguồn thu hợp pháp khác; tài trợ, xã hội hóa tự nguyện, công khai, minh bạch theo quy định; tiết kiệm, chống lãng phí.

3. **Cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu:** sửa chữa, bổ sung từ ngân sách; đề xuất đầu tư xây thư viện đạt chuẩn, sửa chữa các hạng mục đã xuống cấp và không gian STEM/STEAM; tiếp nhận hỗ trợ hợp pháp từ tổ chức, cá nhân, cựu học sinh; học liệu số khai thác từ nguồn của ngành, nguồn mở và học liệu do giáo viên xây dựng.

4. **Hạ tầng số, dữ liệu, thiết bị công nghệ, phần mềm:** hệ thống mạng, phòng Tin học, thiết bị trình chiếu, phần mềm quản lý, học bạ số, cơ sở dữ liệu ngành; nguồn từ ngân sách, nguồn hợp pháp khác và xã hội hóa theo quy định.

5. **Đối tác:** cha mẹ học sinh, chính quyền xã Kiến Đức, Nhân Cơ và địa phương, doanh nghiệp, trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cựu học sinh và các tổ chức xã hội.

6. **Các nguồn lực khác:** sự chỉ đạo của Sở GDĐT Lâm Đồng; chương trình, đề án của Bộ GDĐT và của tỉnh (Đề án tiếng Anh, chuyển đổi số, dạy học 2 buổi/ngày...); học bổng, dự án hỗ trợ.

III. RỦI RO CHÍNH VÀ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Rủi ro	Ảnh hưởng	Biện pháp xử lý	Phụ trách
Biến động quy mô, bỏ học ở địa bàn xa	Giảm sĩ số, chênh lệch chất lượng	Theo dõi sớm bằng dữ liệu; GVCN phối hợp cha mẹ học sinh, chính quyền; hỗ trợ học sinh khó khăn; tư vấn học tập, hướng nghiệp.	HT; GVCN; TTV
Thiếu giáo viên cục bộ hoặc mất cân đối cơ cấu	Khó bảo đảm chương trình, 2 buổi/ngày	Rà soát nhu cầu từng năm, tham mưu Sở GDĐT; phân công linh hoạt giữa hai điểm trường; hợp đồng trong chỉ tiêu; bồi dưỡng	HT; PHT

Rủi ro	Ảnh hưởng	Biện pháp xử lý	Phụ trách
		chuyên môn kép.	
Thiếu thiết bị, kinh phí; chậm đầu tư thư viện, sửa chữa công trình đã xuống cấp	Chậm tiến độ cơ sở vật chất, STEM	Xếp thứ tự ưu tiên; lập hồ sơ đề xuất sớm; huy động nguồn lực hợp pháp; tận dụng, sử dụng chung phòng, thiết bị.	HT; PHT; TVP
Rủi ro an toàn học đường, sức khỏe học sinh	Ảnh hưởng an toàn, uy tín	Quy tắc ứng xử, giám sát, tư vấn tâm lý; phối hợp công an, y tế, cha mẹ học sinh; diễn tập phòng cháy chữa cháy; kiểm tra cơ sở vật chất định kỳ.	HT; ĐTN; TTV; y tế
An toàn dữ liệu, thông tin; sử dụng công nghệ, AI chưa phù hợp	Lộ thông tin, gian lận học thuật	Quy chế sử dụng AI, phân quyền dữ liệu; sao lưu; tập huấn giáo viên, học sinh; kiểm chứng sản phẩm có AI hỗ trợ.	PHT; TTCM Tin
Quản lý hai điểm trường chưa đồng bộ	Chênh lệch chất lượng, điều hành chậm	Chuẩn hóa quy trình, kế hoạch chung; sinh hoạt chuyên môn liên điểm; phân công đầu mối từng điểm; họp giao ban định kỳ.	HT; PHT
Thiên tai, dịch bệnh, yếu tố bất thường; thay đổi chính sách	Gián đoạn dạy học, phải điều chỉnh kế hoạch	Kế hoạch dự phòng, dạy học trực tuyến/kết hợp; cập nhật văn bản mới; điều chỉnh kế hoạch theo quy định.	HT; Ban chỉ đạo

Phần VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐIỀU CHỈNH

1. Phổ biến kế hoạch

Sau khi được thông qua Hội đồng sư phạm và báo cáo Sở GDĐT Lâm Đồng, Kế hoạch được phổ biến đến 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên, Ban đại diện cha mẹ học sinh, học sinh, được niêm yết công khai tại hai điểm trường và đăng trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

2. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch

Ban chỉ đạo do Hiệu trưởng làm Trưởng ban; các Phó Hiệu trưởng làm Phó Trưởng ban; thành viên gồm tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng, đại diện Chi bộ/Đảng bộ, Đoàn Thanh niên và Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch hằng năm, theo dõi tiến độ, tổng hợp báo cáo, đề xuất điều chỉnh.

3. Phân công nhiệm vụ

a) **Hiệu trưởng:** chịu trách nhiệm chung về chỉ đạo xây dựng, tổ chức thực hiện, theo dõi, công khai và điều chỉnh kế hoạch; phê duyệt kế hoạch năm học và bộ chỉ số theo dõi; báo cáo Sở GDĐT.

b) **Phó Hiệu trưởng:** phụ trách các lĩnh vực được phân công, theo dõi tiến độ, báo cáo kết quả hằng học kỳ.

c) **Tổ chuyên môn:** cụ thể hóa kế hoạch vào kế hoạch tổ, dạy học, kiểm tra đánh giá, bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, hỗ trợ học sinh; phân tích dữ liệu, báo cáo định kỳ.

d) **Giáo viên:** thực hiện dạy học, giáo dục, quản lý và hỗ trợ học sinh; xây dựng kế hoạch cá nhân bám Kế hoạch chiến lược; phối hợp với gia đình.

e) **Nhân viên:** thực hiện nhiệm vụ hành chính, tài chính, thư viện, thiết bị, y tế, công nghệ, bảo vệ, bảo đảm hồ sơ, tài sản, dữ liệu và an toàn trường học.

f) **Đoàn Thanh niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh và các lực lượng phối hợp:** tuyên truyền, vận động; phối hợp tổ chức hoạt động giáo dục, hỗ trợ học sinh; huy động nguồn lực hợp pháp; giám sát việc thực hiện.

Lưu ý: phân công cụ thể theo từng nội dung được thể hiện tại cột “Phụ trách” của các bảng ở Phần IV, V, VI và được cụ thể hóa trong quyết định phân công hằng năm.

4. Giám sát, sơ kết, tổng kết

Thời điểm	Nội dung	Chủ trì	Sản phẩm
Đầu năm học	Cụ thể hóa Kế hoạch chiến lược thành kế hoạch năm học; giao chỉ tiêu cho tổ, cá nhân; xây dựng kế hoạch giám sát năm học.	HT; Ban chỉ đạo	Kế hoạch năm học; bộ KPI
Giữa năm học (sơ kết học kỳ I)	Rà soát tiến độ, khó khăn; điều chỉnh nhiệm vụ nếu cần.	PHT; TTCM	Báo cáo sơ kết
Cuối năm học	Đánh giá kết quả; công khai phù hợp; cập nhật kế hoạch năm sau; đối chiếu minh chứng tự đánh giá.	HT; Ban chỉ đạo	Báo cáo tổng kết; Phụ lục 3
Giữa kỳ (năm 2028)	Rà soát tổng thể, điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ nếu cần.	HT; Ban chỉ đạo	Báo cáo giữa kỳ
Cuối kỳ (năm 2030)	Tổng kết, đánh giá kết quả; xây dựng kế hoạch giai đoạn 2031-2035.	HT; Ban chỉ đạo	Báo cáo tổng kết giai đoạn; kế hoạch mới

5. Công khai kế hoạch và kết quả thực hiện

Kế hoạch và kết quả thực hiện được công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường, bảng tin tại hai điểm trường, các kênh truyền thông hợp lệ và tại cuộc họp cha mẹ học sinh; bảo đảm minh bạch, dễ tiếp cận, đúng quy định về bảo vệ thông tin cá nhân.

6. Điều chỉnh kế hoạch

Kế hoạch được điều chỉnh khi có thay đổi lớn về chính sách, quy mô học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất, nguồn lực, điều kiện địa phương hoặc yêu cầu phát triển của nhà

trường. Việc điều chỉnh do Ban chỉ đạo đề xuất, Hiệu trưởng quyết định, thông báo đến các tổ, cá nhân liên quan và báo cáo Sở GDĐT Lâm Đồng.

Trên đây là Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường THPT Phạm Văn Đồng giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, đoàn thể, cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nghiêm túc triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ban Giám hiệu xem xét, điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT Lâm Đồng (b/c);
- Đảng bộ, Chi bộ, Ban Giám hiệu;
- Đoàn Thanh niên;
- Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng;
- Cán bộ, giáo viên, nhân viên (thực hiện);
- Website nhà trường (công khai);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

Lê Thế Hiển

PHỤ LỤC KÈM THEO

Phụ lục 1. Bảng dữ liệu nền và phân tích thực trạng

Nội dung	Số liệu hiện trạng	Nhận xét chính	Vấn đề cần ưu tiên
Quy mô học sinh	2.361 HS; 55 lớp (30 lớp điểm chính, 25 lớp phân hiệu); khối 10: 884, khối 11: 694, khối 12: 783	Bình quân 43 HS/lớp; khối 10 đồng nhất (37,4%)	Duy trì sĩ số; dự báo tuyển sinh
Đội ngũ	135 CB, GV, NV (03 CBQL, 123 GV, 09 NV); 02 GV hợp đồng; 100% GV trên chuẩn; 76 đảng viên; thạc sĩ 7	2,24 GV/lớp; ổn định nhưng chưa đồng đều	Năng lực số, AI, ngoại ngữ; cơ cấu bộ môn
Chương trình, chất lượng	Chỉ tiêu 2026-2027: tốt nghiệp 99-100%; ≥ 10 giải HSG tỉnh; 03-05 đề tài NCKH;	Chất lượng giữa các lớp chưa đồng đều; mũi nhọn chưa hiệu quả	Phân hóa, bồi dưỡng HSG, phụ đạo
Cơ sở vật chất	60 phòng học; 09 phòng bộ môn Lý-Hóa-Sinh; 04 phòng Tin; 02 thư viện; 02 phòng y tế; 01 phòng ngoại ngữ; 01 nhà đa chức năng	1,09 phòng/lớp; một số thiết bị hư hỏng; chưa có thư viện đạt chuẩn (01)	Thiết bị, STEM, thư viện
Chuyển đổi số, STEM, AI	100% tổ CM có kế hoạch STEM; mỗi môn ≥ 02 bài STEM/năm; học bạ số	Mới ở giai đoạn đầu, chưa đồng bộ	Học liệu số; quy định AI; năng lực số
Tiếng Anh	01 phòng học ngoại ngữ	Chưa có môi trường sử dụng thường xuyên	Triển khai Đề án tiếng Anh
Môi trường giáo dục	Tổ tư vấn học sinh mới thành lập; 02 phòng y tế; HS dân tộc thiểu số 325	Địa bàn rộng, khó duy trì sĩ số	Tư vấn, hỗ trợ học sinh khó khăn
Phối hợp xã hội	BDD cha mẹ học sinh; phối hợp địa phương, đoàn thể	Chưa có mạng lưới đối tác, cựu học sinh ổn định	Hướng nghiệp, xã hội hóa

Phụ lục 2. Bảng mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ trọng tâm

Mục tiêu	Chỉ tiêu (đến năm 2030)	Nhiệm vụ chính	Phụ trách	Kết quả cần đạt
Nâng cao chất lượng giáo dục	Tốt nghiệp 99-100%; HS Tốt $\geq 45\%$; ≥ 15 giải HSG tỉnh/năm	Nhiệm vụ 3, 4	PHT; TTCM	Chất lượng ổn định, mũi nhọn tăng
Phát triển đội ngũ	Thạc sĩ $\geq 7\%$; 100% GV hoàn thành bồi dưỡng số – AI	Nhiệm vụ 2	HT; PHT	Đội ngũ đồng bộ, đổi mới
Quản trị, chuyển đổi số	100% quy trình số hóa; tự đánh giá hằng năm	Nhiệm vụ 1	HT; TVP	Quản trị bằng dữ liệu, minh bạch
STEM/AI, tiếng Anh	≥ 05 đề tài NCKH/năm; Mức độ 1 Đề án tiếng Anh	Nhiệm vụ 4, 5	PHT; tổ Anh, Tin	HS có năng lực số, tiếng Anh
Môi trường an toàn, hòa nhập	Sĩ số $\geq 99,5\%$; bỏ học $< 1\%$; hài lòng $\geq 90\%$	Nhiệm vụ 6	HT; ĐTN; TTV	Trường học hạnh phúc, an toàn
Cơ sở vật chất	100% phòng học có thiết bị trình chiếu; 02 không gian STEM	Nhiệm vụ 7	PHT; TVP	Điều kiện dạy học đồng bộ

Mục tiêu	Chỉ tiêu (đến năm 2030)	Nhiệm vụ chính	Phụ trách	Kết quả cần đạt
Phối hợp cộng đồng	≥ 05 đối tác; mạng lưới cựu học sinh	Nhiệm vụ 8	HT; ĐTN	Nguồn lực xã hội được huy động

Phụ lục 3. Bảng theo dõi thực hiện hằng năm

Năm học	Nhiệm vụ trọng tâm	Kết quả đạt được	Khó khăn	Điều chỉnh
2026-2027	Dữ liệu nền, KPI, Ban chỉ đạo; tổ Đề án tiếng Anh; Tổ tư vấn; STEM theo kế hoạch			
2027-2028	Số hóa quy trình; học liệu số; dự án STEM; sửa chữa thiết bị; mạng lưới cựu học sinh			
2028-2029	Rà soát giữa kỳ; không gian STEM, thư viện số; đánh giá năng lực số, AI			
2029-2030	Hoàn thành chỉ tiêu; tự đánh giá; tổng kết; kế hoạch 2031-2035			